

Bản án số: **113/2021/HS-ST**  
Ngày: 28/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Đỗ Gia Ánh;

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần H, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2021/TLST-HS ngày 05/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HS ngày 13/5/2021, đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Trương Thị Y (Tên gọi khác: Hạnh); Sinh năm 1992;** Giới tính: Nữ; HKTT: Xóm Làng Hìn, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Sán Chỉ (*Cao Lan*); Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trương Văn Hùng; Con bà: Nguyễn Thị Phương; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Không; Con: 01 con sinh ngày 11/01/2019;

Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số: 136, lập ngày 25/01/2021, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2020 đến ngày 08/01/2021 hủy bỏ quyết định tạm giữ; Bị cáo hiện đang bị áp dụng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*” của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**2. Họ và tên: Nguyễn Thị T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994;** HKTT: Xóm Mỹ Hóa, xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Công Giáo; Con ông: Nguyễn Văn Khiết (*Đã chết*); Con bà: Nguyễn Thị Thêu; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ 05; Chồng con: Không;

Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số: 137, lập ngày 25/01/2021, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2020 đến ngày 08/01/2021 hủy bỏ quyết định tạm giữ; Bị cáo hiện đang bị áp dụng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*” của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Vũ Thị Bích L; Sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: Thôn Tất Thượng, xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

2. Anh Hà Văn H; Sinh năm: 1981; Hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

*(Chị L và anh H đều vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 ngày 30/12/2020, tổ công tác đội Cảnh sát hình sự, Công an quận Nam Từ Liêm phối hợp với Công an phường Mỹ Đình 2 tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn Hoàng Long (*Địa chỉ: Số 37, lô TT3, HDMon, khu đô thị Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*) phát hiện 02 đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm, cụ thể như sau:

Phòng 401: Vũ Thị Bích L (*Sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương*) đang bán dâm cho Hà Trọng TuY (*Sinh năm: 1989; Hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ*).

Phòng 501: Nguyễn Thị T (*Sinh năm: 1994; Hộ khẩu thường trú: Xóm Mỹ Hóa, xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình*) đang bán dâm cho Hà Văn H (*Sinh năm: 1981; Hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ*).

Tổ công tác lập biên bản dẫn giải người liên quan và tạm giữ vật chứng đưa về trụ sở Công an để làm rõ. Vật chứng tạm giữ gồm có:

Tạm giữ của Nguyễn Thị T: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, gắn sim số: 0964.468.205; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu đỏ, gắn sim số: 0845.100.000;

Tạm giữ của Vũ Thị Bích L: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu vàng, gắn sim số: 0346.292.042;

Tạm giữ của Hà Văn H: 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T khai: T được Trương Thị Y môi giới bán dâm, do Y thông báo có 02 khách nên T rủ L cùng đi bán dâm. Ngày 30/12/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt khẩn cấp Trương Thị Y về hành vi: “*Môi giới mại dâm*”, vật chứng tạm giữ của Trương Thị Y, gồm có: Số tiền 7.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu đồng*) là tiền khách mua dâm trả cho Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng (đã qua sử dụng), gắn sim số: 0325.259.055; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu trắng, gắn sim số: 0974.723.555.

Quá trình điều tra xác định: Trương Thị Y là nhân viên quán Masage Vip (*Địa chỉ tại số 93, đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội*). Ngày 26/12/2020, Hà Văn H đến quán Masage. Quá trình Masage, Y nói mình tên là “*Hạnh*”, còn H nói mình tên là “*Văn*”, sau khi Masage xong thì H và Y trao đổi số điện thoại với nhau. Sau khi về nhà, Hà Văn H nhắn tin rủ Y đi quan hệ tình dục nh Y nói mình không đi mà sẽ giới thiệu bạn cho H. Tuy nhiên, Y nói là phải gửi quà (*tiền công*) cho Y. H đồng ý và nói H đi cùng 1 người bạn. Ngày 29/12/2020, H và TuY rủ nhau đi ăn uống sau đó H dùng số điện thoại 0338.450.344 gọi điện nhắn tin đến số 0325.259.055 của Y bảo muốn mua dâm thì Y nói để mình liên lạc với bạn xem có rảnh không rồi mới báo lại, Y hỏi H, TuY sẽ cho mình tiền quà (*tiền công giới thiệu*) bao nhiêu thì H, TuY nói cho Y 2.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu đồng*) thậm chí cho thêm nếu nhân viên đẹp và Y đã đồng ý. Y dùng điện thoại số 0974.723.555 liên lạc đến điện thoại số 0845.100.000 của Nguyễn Thị T, hỏi T có muốn đi chơi (*bán dâm*) không, có hai khách đang có nhu cầu, T đã dùng số điện thoại 0845.100.000 nhắn tin Zalo cho Nguyễn Thị Bích L, rủ L cùng đi bán dâm với mình với giá 2.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu đồng*)/một người và được L đồng ý. T nhận lời đi bán dâm và nói với Y giá là 2.000.000 đồng/một người, hai người là 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*). Sau khi nói chuyện với T xong thì Y trao đổi lại qua điện thoại với H, TuY và hẹn ngày 30/12/2020 sẽ gọi hai bạn gái đến gặp H, TuY để đi bán dâm. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30/12/2020, H và TuY đi Taxi đến cửa quán Masage nơi Y làm việc, H xuống xe đưa cho Y số tiền 7.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu đồng*), trong đó 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*) tiền bán dâm Y cầm cho T, L và 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*) tiền công giới thiệu. Sau khi nhận tiền từ H, Y gọi điện thoại cho T thông báo đã cầm hộ tiền bán dâm và bảo T chủ động ra quán Caffè Aquaria ở đối diện sân vận động Quốc gia Mỹ Đình gặp hai khách đang chờ, khi nào bán dâm xong thì quay về gặp Y nhận tiền. Nguyễn Thị T đã liên lạc với Vũ Thị Bích L, nhắn tin địa chỉ

Caffe Aquaria cho L tự đến còn mình tự đi Taxi đến. Khi đến nơi, T gặp L, H, TuY đang ngồi tại đây, tất cả bốn người đi Taxi đến khách sạn Hoàng Long (Địa chỉ: Số 37, lô TT3, HDMon, khu đô thị Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) do Nguyễn Đình Trung làm chủ. L và TuY lên phòng 401, T và H vào phòng 501. Khi đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị tổ công tác Công an quận Nam Từ Liêm tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện, lập biên bản đưa người cùng vật chứng về trụ sở Công an để làm việc.

Ngày 30/3/2021 Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 196/QĐ-XPVPHC-CANTL đối với Vũ Thị Bích L về hành vi: “*Bán dâm*”, mức phạt: 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 197&198/QĐ-XPVPHC-CANTL đối với Hà Văn H và Hà Trọng TuY về hành vi: “*Mua dâm*”, mức phạt: 750.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/người; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1124/QĐ-XPVPHC-CANTL ngày 26/01/2021 đối với Nguyễn Đình Trung, là chủ Khách sạn Hoàng Long về hành vi: “*Thiếu tinh thần trách nhiệm để hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý*”, mức phạt: 17.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng);

Tại cơ quan điều tra Trương Thị Y và Nguyễn Thị T khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 103/QĐ-VKS ngày 29/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trương Thị Y về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định:

**“Điều 328. Tội môi giới mại dâm**

1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

.....

đ) Đối với 02 người trở lên;”

Tại phiên tòa:

Các bị cáo: Trương Thị Y và Nguyễn Thị T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo đã rất ăn năn, hối cải về hành vi các bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và được cải tạo ngoài xã hội, cũng là bài học để các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và kết luận, giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trương Thị Y về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Y là người dân tộc thiểu số và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, t Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo Y được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Y từ 24 tháng đến 30 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T có nơi cư trú rõ ràng, nên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo T được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, NH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng;

Về hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng, là vật chứng không có giá trị; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng (đã qua sử dụng), gắn sim số: 0325.259.055; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu trắng, gắn sim số: 0974.723.555, tạm giữ của bị cáo Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, gắn sim số: 0964.468.205; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu đỏ, gắn sim số: 0845.100.000, tạm giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu vàng, gắn sim số: 0346.292.042, tạm giữ của Vũ Thị Bích L; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, tạm giữ của Hà Văn H; Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền: 7.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu đồng*), do các bị cáo phạm tội mà có, tạm giữ của bị cáo Y.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Hồi 11 giờ 45 phút ngày 30/12/2020, tại khách sạn Hoàng Long (*Địa chỉ: Số 37, lô TT3, HD Mon, khu đô thị Hải Đăng City, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*), Trương Thị Y có hành vi môi giới cho Hà Văn H mua dâm với Nguyễn Thị T, Hà Trọng TuY mua dâm với Vũ Thị Bích L với giá 2.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu đồng*)/01 người. Y thu lợi 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*). Nguyễn Thị T có hành vi môi giới cho Hà Trọng TuY mua dâm với Vũ Thị Bích L. Khi H và T, TuY và L đang mua dâm, bán dâm, thì bị Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Thị Y đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh và đạo đức xã hội chủ nghĩa, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến những quy định của Nhà Nước về phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo Y đã có hành vi làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt, tạo điều kiện để bị cáo T và H, L và TuY thực hiện việc mua dâm, bán dâm, mục đích do vụ lợi. Bị cáo T đã có hành vi làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt, tạo điều kiện để L và TuY thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Các bị cáo nhận thức rõ việc môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật, nH vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Y đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và là người dân tộc thiểu số, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, t Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo Y là nghiêm trọng, thể hiện ở mục đích phạm tội, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Y, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy, bị cáo Y có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, nH trong khung hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo T khi phạm tội, bị cáo không có mục đích vụ lợi và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s, Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên, Hội đồng xét xử cho bị cáo T được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo

có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo, cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Y từ 24 tháng đến 30 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 328; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nh cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng, là vật chứng không có giá trị; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng (đã qua sử dụng), gắn sim số: 0325.259.055; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu trắng, gắn sim số: 0974.723.555, tạm giữ của bị cáo Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, gắn sim số: 0964.468.205; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu đỏ, gắn sim số: 0845.100.000, tạm giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu vàng, gắn sim số: 0346.292.042, tạm giữ của Vũ Thị Bích L; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, tạm giữ của Hà Văn H; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền: 7.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu đồng*), do các bị cáo phạm tội mà có, tạm giữ của bị cáo Y, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Các bị cáo: Trương Thị Y và Nguyễn Thị T phạm tội: “*Môi giới mại dâm*”;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo Trương Thị Y **24 (Hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (*Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2020 đến ngày 08/01/2021*).

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 328; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị T **12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án**. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự ; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng (đã qua sử dụng), gắn sim số: 0325.259.055; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu trắng, gắn sim số: 0974.723.555; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, gắn sim số: 0964.468.205; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone Xr, màu đỏ, gắn sim số: 0845.100.000; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu vàng, gắn sim số: 0346.292.042; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen (*Có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng số: 161, đề ngày 05/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền: 7.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu đồng*) (*Theo Giấy nộp tiền đề ngày 04/5/2021, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long, thành phố Hà Nội*).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo Y, T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**Nơi nhận :**

- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Gia đình bị cáo T;
- Lưu HS, VP.

**Đỗ Thị Lệ Thủy**